

Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ80,000
Tiềm năng tăng/giảm: 42.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/10/2025)	56,300
Mã Bloomberg	SIP VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	48,297-79,375
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	55,740
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	11,853
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	450
Slg CP lưu hành (tr.đv)	211
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	103
Slg CP NN được mua (tr.đv)	10.2
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	44.1%
Tỷ lệ freefloat	53.4%
Cổ đông lớn	iu tư và Phát triển Đô (19.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	7,801	8,083	8,182
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,321	1,452	1,530
LN TT (tỷ đồng)	1,572	1,529	1,562
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,105	1,051	1,073
FCF (tỷ đồng)	(13.0)	522	1,509
EPS ĐC (đồng)	5,248	4,343	4,433
DPS (đồng)	1,705	1,565	1,800
BVPS (đồng)	23,121	23,591	26,954
T.trưởng EBITDA (%)	20.0	9.92	5.39
T.trưởng EPS ĐC (%)	9.02	(17.4)	1.96
Tăng trưởng DPS (%)	(41.1)	(8.18)	15.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	16.9	18.0	18.7
Tỷ suất LN TT (%)	20.1	18.9	19.1
Tỷ suất LNT ĐC (%)	15.0	13.8	13.9
Tỷ lệ LN trả CT (%)	30.7	34.1	38.4
Nợ thuần/VCSH (%)	60.8	74.2	60.6
ROAE (%)	26.3	21.0	18.5
ROACE (%)	5.15	4.96	4.84
EV/doanh thu (lần)	1.90	2.21	2.14
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.2	12.3	11.5
P/E ĐC (lần)	10.7	13.0	12.7
P/B (lần)	2.43	2.39	2.09
Lợi suất cổ tức (%)	3.03	2.78	3.20

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

SIP là một trong những nhà phát triển khu công nghiệp lớn nhất Việt Nam, sở hữu hơn 3.200 ha đất cho thuê tại các KCN phía Nam. Công ty cũng hoạt động trong lĩnh vực tiện ích và bất động sản nhà ở.

Chuyên viên phân tích

Đoàn Bảo Anh Tuấn

Chuyên Viên, Ngành Bất Động Sản
tuan.dba@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 172

Hồ Thị Kiều Trang, CFA

Giám đốc, Ngành Bất Động Sản
trang.htk@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 129

Q3/2025: KQKD vững chắc, nhờ mảng Tiện ích

- SIP công bố KQKD Q3/2025, với doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đều tăng trưởng ổn định, lần lượt đạt 2,2 nghìn tỷ đồng (tăng 13% so với cùng kỳ) và 366 tỷ đồng (tăng 21,7% so với cùng kỳ).
- KQKD mảng Cho thuê cốt lõi sát với kỳ vọng trong khi mảng Tiện ích vượt kỳ vọng nhờ giá điện tăng cao, dẫn đến KQKD tổng thể cao hơn dự báo của HSC. Số liệu 9 tháng đầu năm 2025 đã hoàn thành 78% dự báo doanh thu thuần và 92,3% dự báo lợi nhuận thuần cho năm 2025 của chúng tôi.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu theo phương pháp RNAV là 80.000đ

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025

KQKD Q3/2025 vừa được công bố của SIP cho thấy lợi nhuận thuần tăng trưởng vững chắc và ổn định lên 366 tỷ đồng (tăng 21,2% so với cùng kỳ và tăng 11,6% so với quý trước) trên doanh thu 2,2 nghìn tỷ đồng (tăng 13% so với cùng kỳ và tăng 4,9% so với quý trước).

Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần của SIP đạt lần lượt 6,3 nghìn tỷ đồng (tăng 9,9% so với cùng kỳ) và 1.026 tỷ đồng (tăng 21,2% so với cùng kỳ). Kết quả trên hoàn thành 78% và 92,3% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi.

Những thông tin đáng chú ý

- Doanh thu cho thuê đất KCN vẫn ổn định ở mức 100 tỷ đồng (tăng 10,7% so với cùng kỳ hoặc tăng 9% so với quý trước). Chúng tôi đang chờ công ty cung cấp thêm thông tin về doanh thu cho thuê đất mới trong Q3/2025, bao gồm bảng cơ cấu chi tiết. KQKD của mảng này sát với dự báo của chúng tôi, với doanh thu 9 tháng đầu năm 2025 đạt 310 tỷ đồng, hoàn thành 72,7% dự báo cho năm 2025 của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2025 và 9 tháng đầu năm 2025, SIP

Tỷ đồng	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ	% dự báo HSC
Doanh thu thuần	1,977	2,234	13.0%	5,736	6,304	9.9%	78%
BĐS KCN	91	101	10.7%	281	311	10.6%	
Dịch vụ tiện ích	1,738	1,936	11.4%	5,133	5,617	9.4%	
Nhà ở	-	103	N/m	-	137	N/m	
Mảng khác	148	94	-36.5%	323	240	-25.7%	
Lợi nhuận gộp	296	366	23.8%	812	977	20.3%	
Lãi HĐ tài chính	95	128	34.9%	317	422	33.3%	
Lợi nhuận từ LD,LK	18	28	53.7%	52	46	-10.9%	
Chi phí BH&QL	(24)	(55)	130.4%	(77)	(111)	45.5%	
LN TT	384	468	21.9%	1,109	1,396	25.9%	
LN ST	314	382	21.7%	902	1,126	24.8%	
Lợi nhuận thuần	302	366	21.2%	847	1,026	21.2%	92.3%
Các khoản mục ròng không thường xuyên	(7)	(12)	84.6%	84	37	-56.1%	
Lợi nhuận thuần 'cốt lõi'	308	378	22.5%	763	989	29.7%	
Tỷ suất LN gộp	15.0%	16.4%	13.0%	14.2%	15.5%	9.9%	
Tỷ suất LN thuần	15.3%	16.4%	10.7%	14.8%	16.3%	10.6%	

Nguồn: SIP HSC

- **Mảng tiện ích** vẫn vững chắc, với doanh thu 1,9 nghìn tỷ đồng (tăng 7,2% so với cùng kỳ hoặc tăng 2,4% so với quý trước). Lưu ý rằng, SIP vận hành phân khúc điện bằng cách mua điện theo giá bán buôn của EVN cho các KCN và bán lại cho khách thuê với phụ phí bảo trì lưới điện 5%. Vì vậy, mặc dù hoạt động này mang lại tỷ suất lợi nhuận khá mỏng, nhưng việc EVN tăng giá điện trong thời gian gần đây (có hiệu lực từ Q2/2025) giúp doanh thu thực tế tăng tương ứng trong dài hạn.

Hơn nữa, chúng tôi tin rằng khách thuê của SIP vẫn duy trì hoạt động ổn định và không bị ảnh hưởng đáng kể bởi thuế quan. Do đó, sản lượng điện tiêu thụ vẫn ổn định. Theo BLĐ, 70–80% khách thuê của công ty xuất khẩu sang các thị trường ngoài Mỹ, do đó tác động của thuế quan đối với hoạt động sản xuất của khách thuê không đáng kể.

- **SIP duy trì số dư tiền mặt tích cực** 5,9 nghìn tỷ đồng (với 630 tỷ đồng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và 5,3 nghìn tỷ đồng tài sản nắm giữ đến ngày đáo hạn). Chúng tôi lưu ý rằng công ty tiếp tục tăng các khoản cho vay phải thu lên 4,3 nghìn tỷ đồng (tăng 1,4 lần so với cùng kỳ hoặc tăng 63% so với quý trước). Trong các quý trước, SIP chủ yếu cho VCBS và CTS vay, cả hai đều là các công ty môi giới thuộc sở hữu của các ngân hàng quốc doanh.
- **Tổng nợ tài chính vẫn ổn định ở mức 4,5 nghìn tỷ đồng** (tăng 25% so với cùng kỳ nhưng giảm 3,8% so với quý trước), sát với KHKD của công ty và của chúng tôi do SIP tiếp tục thực hiện đền bù đất và xây dựng cơ sở hạ tầng cho phần còn lại của KCN Phước Đông (568 ha, đã hoàn thành 83% tính đến tháng 3/2025) và KCN Long Đức 2 (293 ha, đã nhận được phê duyệt chủ trương đầu tư trong Q1/2025). Tính cả số dư tiền mặt dồi dào, SIP vẫn ở vị thế tiền mặt thuần 1,1 nghìn tỷ đồng.

Duy trì khuyến nghị Mua vào; giá mục tiêu 88.000đ

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 88.000đ.

Chúng tôi vẫn giữ quan điểm tích cực đối với SIP – một viên ngọc ẩn mình trong danh sách khuyến nghị của chúng tôi, đặc biệt nhờ mảng Tiện ích vững chắc và danh mục khách hàng đa dạng, ít lệ thuộc vào thị trường Mỹ. Những yếu tố trên có thể giữ vững KQKD của SIP bất chấp thị trường không thuận lợi/biến động ở thời điểm hiện tại.

Chúng tôi cũng kỳ vọng công ty sẽ hưởng lợi từ việc đẩy mạnh chi tiêu cho cơ sở hạ tầng công cộng trong giai đoạn 2025-2030 nhờ có quỹ đất KCN lớn tọa lạc tại các vị trí chiến lược. Do đó, với thị giá hiện tại, chúng tôi tin rằng SIP có tỷ lệ rủi ro trên lợi nhuận thấp, phù hợp với nhà đầu tư dài hạn.

Sau khi giá cổ phiếu giảm 14,3% trong 3 tháng qua (giảm 21,3% kể từ đầu năm) và diễn biến kém tích cực hơn chỉ số VN-Index, SIP đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 12,3 lần, thấp hơn 0,7 độ lệch chuẩn so với bình quân từ khi niêm yết trên sàn HoSE từ ngày 23/8/2023 ở mức 14,1 lần. Cổ phiếu cũng có mức chiết khấu 43,8% so với ước tính RNAV, nhỏ hơn so với bình quân từ khi chúng tôi đưa ra khuyến nghị lần đầu vào tháng 2/2025 ở mức 45,8%.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	6,677	7,801	8,083	8,182	8,659
Lợi nhuận gộp	930	1,095	1,200	1,279	1,382
Chi phí BH&QL	(109)	(110)	(114)	(120)	(126)
Thu nhập khác	12.8	18.5	0	0	0
Chi phí khác	(1.90)	(2.57)	0	0	0
EBIT	833	1,001	1,085	1,159	1,256
Lãi vay thuần	(64.1)	(76.8)	220	264	273
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	71.0	65.3	60.6	60.6	60.6
Lợi nhuận khác	0	0	0	0	0
LN không thường xuyên	435	582	163	79.5	67.1
LNTT	1,274	1,572	1,529	1,562	1,657
Chi phí thuế TNDN	(271)	(293)	(306)	(312)	(331)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(76.8)	(109)	(111)	(116)	(124)
LNST không thường xuyên	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	927	1,170	1,112	1,134	1,201
Lợi nhuận thuần ĐC	856	1,105	1,051	1,073	1,141
EBITDA ĐC	1,101	1,321	1,452	1,530	1,632
EPS (đồng)	5,098	5,558	4,593	4,683	4,962
EPS ĐC (đồng)	4,708	5,248	4,343	4,433	4,712
DPS (đồng)	2,892	1,705	1,565	1,800	1,800
Slg CP bình quân (triệu đv)	182	211	242	242	242
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	182	211	242	242	242
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	182	211	242	242	242

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	829	646	494	595	551
Đầu tư ngắn hạn	3,139	5,244	6,222	7,071	7,071
Phải thu khách hàng	3,500	4,853	6,701	6,688	6,483
Hàng tồn kho	468	322	325	298	817
Các tài sản ngắn hạn khác	771	852	827	745	598
Tổng tài sản ngắn hạn	8,707	11,917	14,569	15,397	15,520
TSCĐ hữu hình	1,247	1,304	1,458	1,616	1,778
TSCĐ vô hình	4.52	4.13	4.48	4.84	5.22
Bất động sản đầu tư	5,443	5,878	5,871	5,874	5,988
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-
Đầu tư vào Cty LD,LK	1,031	849	849	849	849
Tài sản dài hạn khác	4,627	5,100	5,741	6,860	8,569
Tổng tài sản dài hạn	12,353	13,136	13,923	15,204	17,189
Tổng cộng tài sản	21,060	25,053	28,492	30,601	32,709
Nợ ngắn hạn	1,595	2,466	3,723	3,723	3,723
Phải trả người bán	238	241	241	286	262
Nợ ngắn hạn khác	1,042	1,178	1,416	1,392	1,431
Tổng nợ ngắn hạn	3,061	4,144	5,603	5,625	5,643
Nợ dài hạn	90.7	1,132	972	787	603
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	137	133	133	133	133
Nợ dài hạn khác	13,743	14,776	16,072	17,530	18,915
Tổng nợ dài hạn	13,971	16,042	17,177	18,450	19,651
Tổng nợ phải trả	17,032	20,185	22,780	24,075	25,294
Vốn chủ sở hữu	4,028	4,868	5,712	6,526	7,416
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	4,028	4,868	5,712	6,526	7,416
Tổng nợ phải trả và VCSH	21,060	25,053	28,492	30,601	32,709
BVPS (đ)	22,156	23,121	23,591	26,954	30,628
Nợ thuần*/(tiền mặt)	857	2,952	4,200	3,915	3,774

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	833	1,001	1,085	1,159	1,256
Khấu hao	(339)	(385)	(427)	(432)	(437)
Lãi vay thuần	(64.1)	(76.8)	220	264	273
Thuế TNDN đã nộp	(271)	(293)	(306)	(312)	(331)
Thay đổi vốn lưu động	(1,252)	(654)	(366)	1,515	1,085
Khác	(383)	258	192	165	219
LCT thuần từ HKKD	(798)	621	1,252	3,222	2,938
Đầu tư TS dài hạn	(1,296)	(634)	(729)	(1,713)	(2,422)
Góp vốn & đầu tư	(5,049)	(12,973)	(978)	(849)	0
Thanh lý	6,529	10,891	11.6	0	0
Khác	534	358	(425)	60.6	60.6
LCT thuần từ HĐĐT	717	(2,358)	(2,121)	(2,501)	(2,361)
Cổ tức trả cho CSH	(526)	(359)	(379)	(436)	(436)
Thu từ phát hành CP	0.47	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	995	1,912	1,096	(185)	(185)
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	470	1,553	718	(620)	(620)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	440	829	646	494	595
LCT thuần trong kỳ	390	(184)	(151)	100	(43.7)
Ảnh hưởng của tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	829	646	494	595	551
Dòng tiền tự do	(2,094)	(13.0)	522	1,509	516

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	13.9	14.0	14.8	15.6	16.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	16.5	16.9	18.0	18.7	18.9
Tỷ suất LNT (%)	13.9	15.0	13.8	13.9	13.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	21.2	18.6	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	10.6	16.8	3.61	1.22	5.83
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	15.0	20.0	9.92	5.39	6.67
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(4.14)	29.1	(4.84)	2.07	6.30
Tăng trưởng EPS (%)	(52.6)	9.02	(17.4)	1.96	5.96
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(4.14)	11.5	(17.2)	2.07	6.30
Tăng trưởng DPS (%)	30.9	(41.1)	(8.18)	15.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	56.7	30.7	34.1	38.4	36.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	24.1	26.3	21.0	18.5	17.2
ROACE (%)	4.74	5.15	4.96	4.84	4.83
Vòng quay tài sản (lần)	0.33	0.34	0.30	0.28	0.27
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(0.96)	0.62	1.15	2.78	2.34
Số ngày tồn kho	29.7	17.5	17.2	15.8	41.0
Số ngày phải thu	222	264	355	354	325
Số ngày phải trả	15.1	13.1	12.8	15.1	13.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	22.6	60.8	74.2	60.6	51.4
Nợ/tài sản (%)	8.26	14.4	16.6	14.9	13.3
EBIT/lãi vay (lần)	13.0	13.0	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.49	2.60	3.13	2.86	2.58
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.84	2.88	2.60	2.74	2.75
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.66	1.90	2.21	2.14	2.01
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.1	11.2	12.3	11.5	10.7
P/E (lần)	11.0	10.1	12.3	12.0	11.3
P/E ĐC (lần)	12.0	10.7	13.0	12.7	11.9
P/B (lần)	2.54	2.43	2.39	2.09	1.84
Lợi suất cổ tức (%)	5.14	3.03	2.78	3.20	3.20

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn